ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35 /TTr-UBND	*Quảng Trị, ngày 15 tháng 4 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về việc cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá VIII, kỳ họp thứ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của về Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 24 cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị nhằm triển khai cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2021, định hướng đến năm 2025; Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Quá trình thực hiện

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được các Sở, Ban ngành, địa phương tham gia ý kiến, tổ chức hội đồng thẩm định thông qua; đến nay, đã được hoàn thiện trình HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến theo quy định tại điểm d, khoản 7, Điều 3a Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng).

3. Nội dung chương trình phát triển đô thị

3.1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị tỉnh phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị quốc gia; cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh.

Phát triển hệ thông đô thị tỉnh Quảng Trị theo hướng đô thị thông minh, hiện đại, xanh, văn minh, giàu bản sắc, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Nâng cao chất lượng sống đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại, bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị di tích văn hóa, lịch sử.

Triển khai thực hiện phát triển hệ thống đô thị tỉnh Quảng Trị có chương trình, kế hoạch cụ thể; đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tiết kiệm tài nguyên, sử dụng hiệu quả nguồn lực; làm cơ sở để lập chương trình phát triển đô thị và đề án phân loại đô thị của từng đô thị trên địa bàn tỉnh; xây dựng các dự án đầu tư các công trình đầu mối, hệ thống hạ tầng khung của các đô thị trên toàn tỉnh.

3.2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

a. Về hệ thống đô thị

* Giai đoạn đến năm 2025: Toàn tỉnh có 13 đô thị và khu vực phát triển đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Đông Hà.

- 01 đô thị loại IV: Thị xã Quảng Trị.

- 02 đô thị loại V/IV: Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh.

- 09 đô thị loại V: Thị trấn Hồ Xá, Diên Sanh, Cam Lộ, Gio Linh, Ái Tử, Krông Klang, Cửa Tùng, Cửa Việt, Bến Quan.

- Khu vực phát triển đô thị (được đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo tiêu chí đô thị loại V) là: Nam Cửa Việt (nằm trong địa giới hành chính các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch), La Vang (xã Hải Phú), Sòng (xã Thanh An), Tà Rụt (xã Tà Rụt), Lìa (xã Lìa), Hướng Phùng (xã Hướng Phùng), Hải Chánh (xã Hải Chánh), một số khu vực khác có tiềm năng khác.

* Giai đoạn đến năm 2030: Toàn tỉnh có 18 đô thị và khu vực phát triển đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Đông Hà;

- 01 đô thị loại IV/III: Thị xã Quảng Trị (vùng phụ cận).

- 03 đô thị loại IV: Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh, Hồ Xá (vùng phụ cận).

- 04 đô thị loại V/IV: Thị trấn Diên Sanh, Cam Lộ, Gio Linh (vùng phụ cận), Ái Tử (vùng phụ cận).

- 04 ÷ 09 đô thị loại V, bao gồm: 04 đô thị hiện hữu là các thị trấn: Bến Quan (vùng phụ cận), Cửa Tùng (vùng phụ cận), Cửa Việt (vùng phụ cận), Krông Klang (vùng phụ cận); phấn đấu phát triển các đô thị mới (nâng cấp từ các xã) từ các khu vực phát triển đô thị là: Nam Cửa Việt (các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch), La Vang (xã Hải Phú), Sòng (xã Thanh An), Tà Rụt (xã Tà Rụt), Lìa (xã Lìa).

- Khu vực phát triển đô thị: Hải Chánh (xã Hải Chánh), Cùa (xã Cam Chính), Hướng Phùng (xã Hướng Phùng), khu đô thị sân bay Quảng Trị (bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị), một số khu vực khác có tiềm năng khác.

* Tầm nhìn đến năm 2050: Toàn tỉnh có các đô thị và khu vực phát triển đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Đông Hà.

- 01 đô thị loại III: Thị xã Quảng Trị (phụ cận).

- 09 đô thị loại IV: Thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Cam Lộ, Ái Tử, Lao Bảo, Khe Sanh, Cửa Việt, đô thị Nam Cửa Việt và thị xã Hải Lăng (được nâng cấp từ huyện Hải Lăng).

- 08 đô thị loại V: Thị trấn Bến Quan, Cửa Tùng, Krông Klang; đô thị mới

Sòng, Tà Rụt, Lìa, Cùa, Hướng Phùng.

- Khu vực phát triển đô thị mới bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị và một số khu vực khác có tiềm năng khác.

b. Tỷ lệ đô thị hóa

Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 36 ÷ 39%; giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 42% ÷ 48%; tầm nhìn đến năm 2050 đạt khoảng 59% ÷ 62%.

c. Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 1,6 ÷ 1,9%, giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 1,9% ÷ 2,3%.

d. Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị

Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 11% ÷ 16%, giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 16% ÷ 26%.

e. Diện tích cây xanh đô thị

Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 6 ÷ 8m^2/người, giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 8 ÷ 10 m^2/người.

3.3. Danh mục, lộ trình và kế hoạch nâng loại hệ thống đô thị

a. Giai đoạn đến năm 2025

- Thành phố Đông Hà: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II và tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại II.

- Thị xã Quảng Trị: Duy trì, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III đã đạt được, phấn đấu hoàn thiện dần các tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị loại III.

- Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV và tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại IV.

- Thi trấn Hồ Xá, Cam Lộ, Diên Sanh, Ái Tử, Gio Linh: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV; khắc phục tiêu chuẩn chưa đạt, tiêu chuẩn đạt thấp, nâng cao các tiêu chuẩn chưa đạt.

- Các đô thị còn lại: Tiếp tục đầu tư xây dựng, khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, tiêu chuẩn đạt thấp, nâng cao các tiêu chuẩn chưa đạt. Từng bước hoàn thiện các tiêu chí tiêu chuẩn nâng cấp đô thị theo kế hoạch.

b. Giai đoạn 2026 - 2030

- Thành phố Đông Hà: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II, đầu tư hoàn thiện dần các tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan theo tiêu chí đô thị loại I.

- Thị xã Quảng Trị: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân

loại đô thị loại III và rà soát tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại III khi đảm bảo các điều kiện.

- Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV; đầu tư hoàn thiện dần các tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan theo tiêu chí đô thị loại III.

- Thị trấn Hồ Xá: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV và tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại IV.

- Thị trấn Cam Lộ, Diên Sanh, Ái Tử, Gio Linh: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV, rà soát tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại IV khi đảm bảo các điều kiện.

- Thị trấn Krông Klang, Cửa Việt, Cửa Tùng, Bến Quan: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V.

- Các đô thị mới Nam Cửa Việt, La Vang, Sòng, Tà Rụt, Lìa: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V, rà soát tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại V khi đảm bảo các điều kiện.

- Các khu vực phát triển đô thị Hải Chánh, Cùa, Hướng Phùng, Khu đô thị sân bay Quảng Trị: Đầu tư xây dựng theo tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V.

Các đô thị tiếp tục đầu tư xây dựng, khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, tiêu chuẩn đạt thấp, nâng cao các tiêu chuẩn chưa đạt. Từng bước hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn nâng cấp đô thị theo kế hoạch và rà soát đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)

3.4. Các đô thị dự kiến thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018, Kết luận số 48- KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Phạm vi, ranh giới, tên đơn vị hành chính đô thị và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

a. Đơn vị hành chính đô thị thuộc diện sắp xếp

* Giai đoạn đến năm 2025: Thị xã Quảng Trị, thị trấn Ai Tử.

* Giai đoạn 2026 - 2030: Thành phố Đông Hà.

b. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến mở rộng

Các đô thị dự kiến mở rộng địa giới đơn vị hành chính, gồm các thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Ái Tử, Bến Quan, Cửa Tùng, Cửa Việt, Krông Klang.

c. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến thành lập mới

Phấn đấu thành lập một số đô thị mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các khu vực phát triển đô thị: Nam Cửa Việt (thuộc địa giới hành chính các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch), La Vang (xã Hải Phú), Sòng (xã Thanh An), Lìa, Tà Rụt.

(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo)

3.5. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị

a. Các chương trình, đề án đang triển khai thực hiện

- Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề án Xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đề án cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b. Các chương trình, đề án đề xuất triển khai thực hiện

- Đề án Thoát nước thành phố Đông Hà theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2030 - 2045.

- Hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung khu vực đô thị - dịch vụ du lịch ven biển Cửa Việt - Cửa Tùng thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Và các chương trình, đề án khác về phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, phát triển đô thị thông minh.

3.6. Nguồn lực, giải pháp và các dự án ưu tiên

a. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn

Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 từ 47.344 ÷ 89.358 tỷ đồng.

- Giai đoạn đến năm 2025: Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư khoảng: 15.309 ÷ 39.171 tỷ đồng, gồm: Nguồn ngân sách nhà nước khoảng: 4.392 tỷ đồng; Nguồn vốn khác khoảng: 10.917 ÷ 34.779 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư khoảng: 32.045 ÷ 50.182 tỷ đồng, gồm: Nguồn ngân sách nhà nước khoảng: 4.830 tỷ đồng; Nguồn vốn khác khoảng: 27.917 ÷ 45.357 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)

b. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư

Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo.

c. Nguồn lực và giải pháp thực hiện

** Nguồn vốn đầu tư công*

- Tranh thủ sự hỗ trợ và phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế, xã hội, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng nguồn thu, rà soát lại các nguồn thu trên địa bàn, tập trung khai thác các nguồn thu mới, đặc biệt là thu từ quỹ đất, các dự án phát triển khu đô thị, nhà ở thương mại, khu công nghiệp, khu dịch vụ, du lịch... để góp phần tăng thu ngân sách tỉnh.

** Nguồn vốn ngoài đầu tư công*

- Tiếp tục thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; nguồn lực từ khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP, bảo đảm đồng bộ, hiện đại ở các lĩnh vực: Giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; y tế; giáo dục - đào tạo; hạ tầng công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư lớn, các nhà đầu tư chiến lược vào các dự án trọng điểm về dịch vụ, du lịch, công nghiệp, thương mại, năng lượng, logistic, phát triển cơ sở hạ tầng chiến lược như cảng biển, sân bay, phát triển đô thị động lực, đô thị ven biển,...; thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), đồng thời tranh thủ các nguồn tài trợ NGO, ADB,… tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị.

** Giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị*

- Về cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện quyết liệt các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-Index), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số chuyển đổi số (DTI).

Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ đối với các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng nhằm cắt giảm thời gian, chi phí cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư, phát triển đô thị tại địa phương. Tổ chức rà soát các quy định của pháp luật trên các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng và các chính sách khác liên quan để kịp thời kiến nghị điều chỉnh hoặc điều chỉnh đồng bộ, đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển đô thị bền vững.

- Về huy động, sử dụng vốn đầu tư xây dựng phát triển đô thị

Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, đồng thời nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ hấp dẫn nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị, ưu tiên đầu tư và phát triển các đô thị trung tâm, động lực như thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các thị trấn ven biển, cửa khẩu quốc tế, các đô thị lân cận các khu công nghiệp, đầu mối giao thông quan trọng và các khu vực kinh tế động lực như Khu kinh tế Đông Nam, vùng phát triển du lịch ven biển, làm khâu đột phá, có sức lan tỏa lớn tạo đà phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục ưu tiên bố trí hợp lý vốn ngân sách nhà nước vào đầu tư các hạ tầng thiết yếu có tác dụng thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển đô thị; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ đầu tư để tạo nguồn kinh phí đầu tư cho các khu vực cải tạo, chỉnh trang đô thị, hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn còn thiếu và yếu về cơ sở hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan các đô thị, bảo vệ môi trường.

Tích cực huy động các nguồn lực ngoài nhà nước, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn, tạo quỹ đất sạch lớn, tích cực hỗ trợ giải phóng mặt bằng nhanh chóng để thu hút đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các khu chức năng đô thị, các khu đô thị mới. Tiếp tục đẩy mạnh đẩy mạnh hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP); tích cực kêu gọi xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư từ xã hội.

- Về phát triển nguồn nhân lực phát triển đô thị

Xây dựng và triển khai thường xuyên, có hiệu quả các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác quản lý đô thị các cấp, trong đó tập trung nâng cao năng lực quản lý về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; đầu tư, xây dựng và quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật; quản lý đất đai, nhà ở và thị trường bất động sản; quản lý môi trường đô thị và kiểm soát các vấn đề, các ảnh hưởng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Ưu tiên bổ sung biên chế, đảm bảo nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp cho các cơ quan, đơn vị làm công tác quản lý phát triển đô thị. Có chính sách thu hút hấp dẫn, đãi ngộ xứng đáng để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước.

Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo nghề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề của lực lượng lao động tại khu vực đô thị; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

- Về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Đổi mới, nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch. Chú trọng giải pháp quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; bổ sung thêm nhiều không gian xanh, không gian mở, không gian công cộng, không gian ngầm, đảm bảo diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị.

Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và kịp thời rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, đảm bảo quy hoạch cũng là động lực phát triển đô thị; ưu tiên tập trung nguồn

vốn ngân sách nhằm phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các đô thị hiện hữu, đô thị sau sắp xếp, mở rộng và các khu vực phát triển đô thị mới.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý trật tự xây dựng đô thị. Xây dựng hệ thống dữ liệu toàn tỉnh, kết nối với hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch, phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị.

Định kỳ rà soát, đánh giá và bố trí, thu hút nguồn lực đầu tư nhằm hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị; kiểm soát việc đầu tư xây dựng theo chương trình phát triển đô thị, tổ chức lập đề án phân loại cho đô thị đảm bảo điều kiện (dự kiến trong giai đoạn đến 2030 gồm có các đô thị Đông Hà, Lao Bảo, Khe Sanh, Hồ Xá);

Tích cực vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị nhằm đảm bảo môi trường sống xanh - sạch - đẹp tại khu vực đô thị; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong quản lý, thực hiện và giám sát quy hoạch, phát triển đô thị.

4. Kết luận, kiến nghị

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị; Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị; Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Quảng Trị kính trình HĐND tỉnh Khóa VIII, kỳ họp thứ 24 xem xét, cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&ĐT;
- UBND các H, TX;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH_U, KT_{TDP}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

BIỂU 01

Bảng tổng hợp định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 và đến năm 2030

(Kèm theo Tờ trình số: 35 /TTr-UBND ngày 15 / 4 /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục	Loại đô thị			Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	
I	Hệ thống đô thị	13	13	18	
1	TP. Đông Hà	III	II	II	Thành phố tỉnh lỵ, đô thị loại II
2	TX. Quảng Trị	IV	IV	IV/III	Thị xã thuộc tỉnh
3	TT. Khe Sanh	V	V/IV	IV	Thị trấn huyện lỵ
4	TT. Lao Bảo	V	V/IV	IV	Thị trấn thuộc huyện
5	TT. Hồ Xá	V	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
6	TT. Cam Lộ	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
7	TT. Diên Sanh	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
8	TT. Ái Tử	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
9	TT. Gio Linh	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
10	TT. Krông Klang	V	V	V	Thị trấn huyện lỵ
11	TT. Cửa Việt	V	V	V	Thị trấn thuộc huyện
12	TT. Cửa Tùng	V	V	V	Thị trấn thuộc huyện
13	TT. Bến Quan	V	V	V	Thị trấn thuộc huyện
14	Nam Cửa Việt	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
15	La Vang	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
16	Sòng	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
17	Tà Rụt	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
18	Lìa	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
II	Khu vực phát triển đô thị	-	4	4	
1	Hải Chánh	-	(*)	(*)	Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng
2	Cùa	-	(*)	(*)	Xã Cam Chính, huyện Cam Lộ

TT	Danh mục	Loại đô thị			Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	
3	Hướng Phùng	-	(*)	(*)	Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa
4	Khu đô thị sân bay Quảng Trị	-	(*)	(*)	Thuộc xã Gio Quang và Gio Việt, huyện Gio Linh
III	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	32,76	36÷39	42÷48	
IV	Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên (%)	1,3	1,6÷1,9	1,9÷2,3	
V	Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị (%)	13,5	11÷16	16÷26	
VI	Diện tích cây xanh đô thị (m^2/người)	4	6÷8	8÷10	
(*) Đầu tư xây dựng theo tiêu chí đô thị					

BIỂU 02

Bảng tổng hợp các đô thị dự kiến thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

(Kèm theo Tờ trình số: 35 /TTr-UBND ngày 15 / 4 /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục	Ghi chú
I	Đô thị thuộc diện sắp xếp	
1	Đông Hà	Định hướng quy hoạch mở rộng về bốn phía, ưu tiên hướng Tây và hướng Bắc.
2	Quảng Trị	Chưa sắp xếp thị xã Quảng Trị trong giai đoạn đến năm 2030, sau năm 2030, sẽ sắp xếp đơn vị hành chính khi huyện Hải Lăng được nâng cấp lên thị xã.
3	Ái Tử	Không phải sắp xếp vì thị trấn trọng điểm về quốc phòng (theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).
II	Đô thị dự kiến mở rộng	
1	Hồ Xá	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
2	Ái Tử	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
3	Gio Linh	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
4	Krông Klang	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
5	Cửa Việt	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
6	Cửa Tùng	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
7	Bến Quan	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
III	Đô thị dự kiến thành lập mới	
1	Nam Cửa Việt	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
2	La Vang	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
3	Sòng	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
4	Lìa	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
5	Tà Rụt	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030

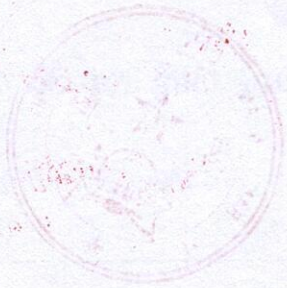

BIỂU 03

Khái toán tổng vốn đầu tư thực hiện chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Tờ trình số: 35 /TTr-UBND ngày 15 / 4 /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Hạng mục	Hiện trạng		Giai đoạn đến 2025		Giai đoạn đến 2030		Đơn giá	Dự kiến nguồn vốn (tỷ đồng)	
		Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích		Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Phát triển đô thị (đất xây dựng đô thị/đất tự nhiên)	1,3 (%)	6.155 (ha)	1,6 ÷1,9 (%)	7522 ÷ 8933 (ha)	1,9 ÷ 2,3 (%)	8933 ÷ 10813 (ha)	9,809 tỷ đồng/ha	13.410 ÷ 27.250	13.840 ÷ 18.440
2	Phát triển cây xanh công cộng (diện tích cây xanh/dân số đô thị)	4,0 m^2/người	85,2 (ha)	6,0 ÷ 8,0 m2/người	157,2 ÷ 209,6 (ha)	8,0 ÷ 10,0 m2/người	275,2 ÷ 344 m2	9,809 tỷ đồng/ha	706 ÷ 1.220	1.158 ÷ 1.319
3	Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị (diện tích giao thông/đất xây dựng đô thị)	13,5 (%)	935 (ha)	11 ÷ 16%	983 ÷ 1430 (ha)	16 ÷ 26%	1730 ÷ 2812 (ha)	20,6 tỷ đồng/ha	988,8 ÷ 10.197	15.388 ÷ 28.469
4	Phát triển cơ sở hạ tầng hạ tầng xã hội đô thị			5 ÷ 15 công trình		53 ÷ 63 công trình		30 tỷ/công trình	150 ÷ 450	1.590 ÷ 1.890

STT	Hạng mục	Hiện trạng		Giai đoạn đến 2025		Giai đoạn đến 2030		Đơn giá	Dự kiến nguồn vốn (tỷ đồng)	
		Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích		Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Quy hoạch, đề án, chương trình PTĐT			- QHC[1]: 5 - Đề án PLĐT[2]: 3 - Chương trình PTĐT[3]: 12		- QHC[4]: 8 - Đề án PLĐT[5]: 6 - Chương trình PTĐT[6]: 8		- Lập QHC: 5 tỷ/đồ án; Đề án PLĐT: 2 tỷ/đề án; Chương trình PTĐT: 1,5 tỷ/đồ án	49	64
6	Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị			(1) Đề án Thoát nước thành phố Đông Hà theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu		(2) Hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung khu vực đô thị - dịch vụ du lịch ven biển Cửa Việt - Cửa Tùng thích ứng với BĐKH và phát triển bền vững		- Lập Đề án: 5 tỷ/đề án	5	5
	Tổng nguồn vốn								**15.309 ÷ 39.171**	**32.045 ÷ 50.187**

[1] Các đồ án quy hoạch chung đô thị: Krông Klang, Cửa Việt, Cửa Tùng, Sòng (xã Thanh An), Hướng Phùng.
[2] Đề án phân loại đô thị: Đông Hà, Khe Sanh, Lao Bảo.
[3] Chương trình phát triển các đô thị: Quảng Trị, Khe Sanh, Lao Bảo, Hồ Xá, Diên Sanh, Krông Klang, Cửa Việt, Cửa Tùng, Nam Cửa Việt, La Vang, Lìa, Tà rụt,
[4] Các đồ án quy hoạch chung đô thị: Khe Sanh, Lao Bảo, Cam Lộ, Ái Tử, Gio Linh, Bến Quan, Hải Chánh, Cùa.
[5] Đề án phân loại đô thị: Quảng Trị, Hồ Xá, Cam Lộ, Ái Tử, Gio Linh, Diên Sanh.
[6] Chương trình phát triển các đô thị: Cam Lộ, Ái Tử, Gio Linh, Bến Quan, Sòng (xã Thanh An), Hướng Phùng, Hải Chánh, Cùa.

BIỂU 04

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư

(Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối đã được xác định trong quy hoạch tỉnh)

(Kèm theo Tờ trình số: 35 /TTr-UBND ngày 15/4 /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
I	DỰ ÁN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	
1	Giao thông vận tải	
1.1	Đường cao tốc Bắc - Nam	Thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, huyện Hải Lăng, huyện Triệu Phong
1.2	Đường tránh phía Đông Quốc lộ 1A	Thành phố Đông Hà, huyện Gio Linh
1.3	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A về cảng Cửa Việt	Huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, thành phố Đông Hà
1.4	Cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Việt cho tàu 5.000 tấn (bao gồm cải tạo, nâng cấp đê chắn cát)	Huyện Gio Linh, huyện Triệu Phong
1.5	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 15D từ cảng Mỹ Thủy đến cửa khẩu La Lay	Huyện Hải Lăng, huyện Đakrông
2	Năng lượng - Điện	
2.1	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Quảng Trị và các đường dây đấu nối 500 - 220 kV	Huyện Hải Lăng
2.2	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) và các đường dây đấu nối 500 - 220 kV	Huyện Hướng Hóa
2.3	Xây dựng mới trạm cắt 500 kV Quảng Trị 2 và các đường dây đấu nối 500 kV	
II	DỰ ÁN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	
1	Ngành công nghiệp	
1.1	Hoàn thiện Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Xã Vĩnh Chấp, Vĩnh Long, huyện Vĩnh

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1.2	Xây dựng mở rộng Khu công nghiệp Quán Ngang	Xã Gio Châu, Gio Quang huyện Gio Linh
1.3	Xây dựng Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú	Xã Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Lăng, huyện Triệu Phong (Khu kinh tế Đông
1.4	Khu công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Khu kinh tế Đông Nam (theo giai đoạn 2)	Xã Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Lăng, huyện Triệu Phong
1.5	Khu công nghiệp Quảng Trị	Thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường, Hải Lâm huyện Hải Lăng (Khu kinh tế Đông Nam)
1.6	Khu công nghiệp hỗn hợp chức năng	Xã Hải Ba, Hải Quế, huyện Hải Lăng (Khu kinh tế Đông Nam)
1.7	Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng	Xã Hải Ba, huyện Hải Lăng (Khu kinh tế Đông Nam)
1.8	Khu công nghiệp sinh thái	Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị
2	Giao thông vận tải	
2.1	Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1)	Huyện Gio Linh
2. 2	Cảng Mỹ Thủy: Giai đoạn 1+2	Huyện Hải Lăng
2.3	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây	Huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Triệu phong, thành phố Đông Hà
2.4	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng	Huyện Vĩnh Linh
2.5	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo (CT.19)	Huyện Triệu Phong, huyện Đakrông, Cam Lộ, huyện Hướng Hóa
2.6	Tuyến động lực phía tây quốc lộ 1: Đoạn từ ĐT576 đến quốc lộ 9 - ĐT 579	Huyện Gio Linh, thành phố Đông Hà, huyện Triệu Phong

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
2.7	Tuyến kết nối quốc lộ 1 với sân bay Quảng Trị và đường ven biển	Huyện Gio Linh
3	Năng lượng - Điện	
3.1	Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng (1500 MW)	Huyện Hải Lăng
3.2	Nhà máy tuabin khí hỗn hợp Quảng Trị (340 MW)	Huyện Hải Lăng
3.3	Trung tâm công nghiệp khí	Huyện Hải Lăng
3.4	Trung tâm Hydro xanh	Huyện Hải Lăng
3.5	Các dự án điện gió đã có trong Quy hoạch điện 8	Toàn tỉnh
3.6	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Đông Hà	Thành phố Đông Hà
3.7	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Lao Bảo	Huyện Hướng Hóa
3.8	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Đông Nam	Huyện Hải Lăng
3.9	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Phong và các đường dây đấu nối	Huyện Triệu Phong
3.10	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Mỹ Thủy và các đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng
3.11	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV QTIP và các đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng
3.12	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bắc Hồ Xá và các đường dây đấu nối	Huyện Vĩnh Linh
3.13	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV thị xã Quảng Trị và đường dây đấu nối	Thị xã Quảng Trị
3.14	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Trạch 1 và đường dây đấu nối	Huyện Triệu Phong
3.15	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Trạch 1 và đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng
3.16	Nâng công suất trạm biến áp 110 kV Vĩnh Linh	Huyện Vĩnh Linh
4	Thông tin và truyền thông	
4.1	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Thành phố Đông Hà

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
4.2	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị và xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Thành phố Đông Hà
4.3	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện, xã	Toàn tỉnh
4.4	Đầu tư hạ tầng Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị (Nâng cấp hạ tầng và triển khai các nền tảng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số như: Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; nâng cấp nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh; xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh...)	Toàn tỉnh
4.5	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh
4.6	Phát triển hạ tầng mạng 5G - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh
4.7	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông	Toàn tỉnh
4.8	Phát triển hạ tầng IoT các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh, công nghiệp thông minh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh
4.9	Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đến tận hộ gia đình, hạ tầng và nền tảng thanh toán điện tử (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh
4.10	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh
4.11	Phát triển hạ tầng mạng 5G - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh
4.12	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh
4.13	Phát triển hạ tầng IoT các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh, công nghiệp thông minh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh
4.14	Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đến tận hộ gia đình, hạ tầng và nền tảng thanh toán điện tử (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh
5	Cấp nước sinh hoạt	
5.1	Xây dựng Nhà máy nước Đập Trấm	Xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
5.2	Nâng công suất nhà máy nước Bến Quan	Thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh
5.3	Xây dựng nhà máy nước Quật Xá	Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ
5.4	Xây dựng Nhà máy nước Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Huyện Hải Lăng, thị xã Quảng Trị
5.5	Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Tân Lương	Thành phố Đông Hà
6	Xử lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường	
6.1	Đầu tư các khu xử lý, lò đốt chất thải rắn nguy hại và hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	Huyện Hải Lăng, thành phố Đông Hà, huyện đảo Cồn Cỏ
6.2	Dự án đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Thành phố Đông Hà và các huyện Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Hướng Hóa
6.3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng các trạm quan trắc môi trường tỉnh Quảng Trị	Huyện Hải Lăng, huyện Gio Linh, huyện đảo Cồn Cỏ, huyện Vĩnh Linh, thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong
6.4	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Đông Hà	Phường 3, thành phố Đông Hà

Ghi chú:

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Ngoài các dự án quan trọng được xác định trong danh mục trên, các dự án khác được xác định trong danh mục dự án của quy hoạch tỉnh sẽ thực hiện theo Quy hoạch tỉnh.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 24

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của về Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị tỉnh phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị quốc gia; cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh.

Phát triển hệ thông đô thị tỉnh Quảng Trị theo hướng đô thị thông minh, hiện đại, xanh, văn minh, giàu bản sắc, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Nâng cao chất lượng sống đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị hiện đại, bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị di tích văn hóa, lịch sử.

Triển khai thực hiện phát triển hệ thống đô thị tỉnh Quảng Trị có chương trình, kế hoạch cụ thể; đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tiết kiệm tài nguyên, sử dụng hiệu quả nguồn lực; làm cơ sở để lập chương trình phát triển đô thị và đề án phân loại đô thị của từng đô thị trên địa bàn tỉnh; xây dựng các dự án đầu tư các công trình đầu mối, hệ thống hạ tầng khung của các đô thị trên toàn tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

2.1. Về hệ thống đô thị

* Giai đoạn đến năm 2025: Toàn tỉnh có 13 đô thị và khu vực phát triển đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Đông Hà.

- 01 đô thị loại IV: Thị xã Quảng Trị.

- 02 đô thị loại V/IV: Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh.

- 09 đô thị loại V: Thị trấn Hồ Xá, Diên Sanh, Cam Lộ, Gio Linh, Ái Tử, Krông Klang, Cửa Tùng, Cửa Việt, Bến Quan.

- Khu vực phát triển đô thị (được đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo tiêu chí đô thị loại V) là: Nam Cửa Việt (nằm trong địa giới hành chính các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch), La Vang (xã Hải Phú), Sòng

(xã Thanh An), Tà Rụt (xã Tà Rụt), Lìa (xã Lìa), Hướng Phùng (xã Hướng Phùng), Hải Chánh (xã Hải Chánh), một số khu vực khác có tiềm năng khác.

* Giai đoạn đến năm 2030: Toàn tỉnh có 18 đô thị và khu vực phát triển đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Đông Hà;

- 01 đô thị loại IV/III: Thị xã Quảng Trị (vùng phụ cận).

- 03 đô thị loại IV: Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh, Hồ Xá (vùng phụ cận).

- 04 đô thị loại V/IV: Thị trấn Diên Sanh, Cam Lộ, Gio Linh (vùng phụ cận), Ái Tử (vùng phụ cận).

- 04 ÷ 09 đô thị loại V, bao gồm: 04 đô thị hiện hữu là các thị trấn: Bến Quan (vùng phụ cận), Cửa Tùng (vùng phụ cận), Cửa Việt (vùng phụ cận), Krông Klang (vùng phụ cận); phấn đấu phát triển các đô thị mới (nâng cấp từ các xã) từ các khu vực phát triển đô thị là: Nam Cửa Việt (các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch), La Vang (xã Hải Phú), Sòng (xã Thanh An), Tà Rụt (xã Tà Rụt), Lìa (xã Lìa).

- Khu vực phát triển đô thị: Hải Chánh (xã Hải Chánh), Cùa (xã Cam Chính), Hướng Phùng (xã Hướng Phùng), khu đô thị sân bay Quảng Trị (bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị), một số khu vực khác có tiềm năng khác.

* Tầm nhìn đến năm 2050: Toàn tỉnh có các đô thị và khu vực phát triển đô thị, bao gồm:

- 01 đô thị loại II: Thành phố Đông Hà.

- 01 đô thị loại III: Thị xã Quảng Trị (phụ cận).

- 09 đô thị loại IV: Thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Cam Lộ, Ái Tử, Lao Bảo, Khe Sanh, Cửa Việt, đô thị Nam Cửa Việt và thị xã Hải Lăng (được nâng cấp từ huyện Hải Lăng).

- 08 đô thị loại V: Thị trấn Bến Quan, Cửa Tùng, Krông Klang; đô thị mới Sòng, Tà Rụt, Lìa, Cùa, Hướng Phùng.

- Khu vực phát triển đô thị mới bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị và một số khu vực khác có tiềm năng khác.

2.2. Tỷ lệ đô thị hóa

Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 36 ÷ 39%; giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 42% ÷ 48%; tầm nhìn đến năm 2050 đạt khoảng 59% ÷ 62%.

2.3. Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 1,6 ÷ 1,9%, giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 1,9% ÷ 2,3%.

2.4. Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị

Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 11% ÷ 16%, giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 16% ÷ 26%.

2.5. Diện tích cây xanh đô thị

Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị giai đoạn đến năm 2025 đạt khoảng 6 ÷ 8m^2/người, giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 8 ÷ 10 m^2/người.

3. Danh mục, lộ trình và kế hoạch nâng loại hệ thống đô thị

3.1. Giai đoạn đến năm 2025

- Thành phố Đông Hà: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II và tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại II.

- Thị xã Quảng Trị: Duy trì, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III đã đạt được, phấn đấu hoàn thiện dần các tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị loại III.

- Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV và tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại IV.

- Thi trấn Hồ Xá, Cam Lộ, Diên Sanh, Ái Tử, Gio Linh: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV; khắc phục tiêu chuẩn chưa đạt, tiêu chuẩn đạt thấp, nâng cao các tiêu chuẩn chưa đạt.

- Các đô thị còn lại: Tiếp tục đầu tư xây dựng, khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, tiêu chuẩn đạt thấp, nâng cao các tiêu chuẩn chưa đạt. Từng bước hoàn thiện các tiêu chí tiêu chuẩn nâng cấp đô thị theo kế hoạch.

3.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Thành phố Đông Hà: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II, đầu tư hoàn thiện dần các tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan theo tiêu chí đô thị loại I.

- Thị xã Quảng Trị: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III và rà soát tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại III khi đảm bảo các điều kiện.

- Thị trấn Lao Bảo, Khe Sanh: Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV; đầu tư hoàn thiện dần các tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan theo tiêu chí đô thị loại III.

- Thị trấn Hồ Xá: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV và tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại IV.

- Thị trấn Cam Lộ, Diên Sanh, Ái Tử, Gio Linh: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại IV, rà soát tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại IV khi đảm bảo các điều kiện.

- Thị trấn Krông Klang, Cửa Việt, Cửa Tùng, Bến Quan: Tiếp tục hoàn

thiện, nâng cao các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V.

- Các đô thị mới Nam Cửa Việt, La Vang, Sòng, Tà Rụt, Lìa: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V, rà soát tổ chức lập đề án phân loại đô thị loại V khi đảm bảo các điều kiện.

- Các khu vực phát triển đô thị Hải Chánh, Cùa, Hướng Phùng, Khu đô thị sân bay Quảng Trị: Đầu tư xây dựng theo tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại V.

Các đô thị tiếp tục đầu tư xây dựng, khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, tiêu chuẩn đạt thấp, nâng cao các tiêu chuẩn chưa đạt. Từng bước hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn nâng cấp đô thị theo kế hoạch và rà soát đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế.

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)

4. Các đô thị dự kiến thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018, Kết luận số 48- KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Phạm vi, ranh giới, tên đơn vị hành chính đô thị và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4.1. Đơn vị hành chính đô thị thuộc diện sắp xếp

* Giai đoạn đến năm 2025: Thị xã Quảng Trị, thị trấn Ai Tử.

* Giai đoạn 2026 - 2030: Thành phố Đông Hà.

4.2. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến mở rộng

Các đô thị dự kiến mở rộng địa giới đơn vị hành chính, gồm các thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Ái Tử, Bến Quan, Cửa Tùng, Cửa Việt, Krông Klang.

4.3. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến thành lập mới

Phấn đấu thành lập một số đô thị mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các khu vực phát triển đô thị: Nam Cửa Việt (thuộc địa giới hành chính các xã Triệu An, Triệu Vân, Triệu Lăng, Triệu Trạch), La Vang (xã Hải Phú), Sòng (xã Thanh An), Lìa, Tà Rụt.

(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo)

5. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị

5.1. Các chương trình, đề án đang triển khai thực hiện

- Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy

hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề án Xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đề án cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5.2. Các chương trình, đề án đề xuất triển khai thực hiện

- Đề án Thoát nước thành phố Đông Hà theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2030 - 2045.

- Hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung khu vực đô thị - dịch vụ du lịch ven biển Cửa Việt - Cửa Tùng thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Và các chương trình, đề án khác về phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, phát triển đô thị thông minh.

6. Nguồn lực, giải pháp và các dự án ưu tiên

6.1. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn

Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 từ 47.344 ÷ 89.358 tỷ đồng.

- Giai đoạn đến năm 2025: Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư khoảng: 15.309 ÷ 39.171 tỷ đồng, gồm: Nguồn ngân sách nhà nước khoảng: 4.392 tỷ đồng; Nguồn vốn khác khoảng: 10.917 ÷ 34.779 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư khoảng: 32.045 ÷ 50.182 tỷ đồng, gồm: Nguồn ngân sách nhà nước khoảng: 4.830 tỷ đồng; Nguồn vốn khác khoảng: 27.917 ÷ 45.357 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)

6.2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư

Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo.

6.3. Nguồn lực và giải pháp thực hiện

** Nguồn vốn đầu tư công*

- Tranh thủ sự hỗ trợ và phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế, xã hội, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng nguồn thu, rà soát lại các nguồn thu trên địa bàn, tập trung khai thác các nguồn thu mới, đặc biệt là thu từ quỹ đất, các dự án phát triển khu đô thị, nhà ở thương mại, khu công nghiệp, khu dịch vụ, du lịch... để góp phần tăng thu ngân sách tỉnh.

** Nguồn vốn ngoài đầu tư công*

- Tiếp tục thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; nguồn lực từ khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP, bảo đảm đồng bộ, hiện đại ở các lĩnh vực: Giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; y tế; giáo dục - đào tạo; hạ tầng công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư lớn, các nhà đầu tư chiến lược vào các dự án trọng điểm về dịch vụ, du lịch, công nghiệp, thương mại, năng lượng, logistic, phát triển cơ sở hạ tầng chiến lược như cảng biển, sân bay, phát triển đô thị động lực, đô thị ven biển,...; thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), đồng thời tranh thủ các nguồn tài trợ NGO, ADB,… tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị.

** Giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị*

- Về cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả. Thực hiện quyết liệt các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-Index), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số chuyển đổi số (DTI).

Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ đối với các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng nhằm cắt giảm thời gian, chi phí cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư, phát triển đô thị tại địa phương. Tổ chức rà soát các quy định của pháp luật trên các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng và các chính sách khác liên quan để kịp thời kiến nghị điều chỉnh hoặc điều chỉnh đồng bộ, đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển đô thị bền vững.

- Về huy động, sử dụng vốn đầu tư xây dựng phát triển đô thị

Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, đồng thời nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ hấp dẫn nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị, ưu tiên đầu tư và phát triển các đô thị trung tâm, động lực như thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các thị trấn ven biển, cửa khẩu quốc tế, các đô thị lân cận các khu công nghiệp, đầu mối giao thông quan trọng và các khu vực kinh tế động lực như Khu kinh tế Đông Nam, vùng phát triển du lịch ven biển, làm khâu đột phá, có sức lan tỏa lớn tạo đà phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục ưu tiên bố trí hợp lý vốn ngân sách nhà nước vào đầu tư các hạ tầng thiết yếu có tác dụng thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển đô thị; sử

dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ đầu tư để tạo nguồn kinh phí đầu tư cho các khu vực cải tạo, chỉnh trang đô thị, hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn còn thiếu và yếu về cơ sở hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan các đô thị, bảo vệ môi trường.

Tích cực huy động các nguồn lực ngoài nhà nước, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn, tạo quỹ đất sạch lớn, tích cực hỗ trợ giải phóng mặt bằng nhanh chóng để thu hút đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các khu chức năng đô thị, các khu đô thị mới. Tiếp tục đẩy mạnh đẩy mạnh hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP); tích cực kêu gọi xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư từ xã hội.

- Về phát triển nguồn nhân lực phát triển đô thị

Xây dựng và triển khai thường xuyên, có hiệu quả các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác quản lý đô thị các cấp, trong đó tập trung nâng cao năng lực quản lý về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; đầu tư, xây dựng và quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật; quản lý đất đai, nhà ở và thị trường bất động sản; quản lý môi trường đô thị và kiểm soát các vấn đề, các ảnh hưởng do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Ưu tiên bổ sung biên chế, đảm bảo nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp cho các cơ quan, đơn vị làm công tác quản lý phát triển đô thị. Có chính sách thu hút hấp dẫn, đãi ngộ xứng đáng để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước.

Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo nghề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề của lực lượng lao động tại khu vực đô thị; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

- Về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Đổi mới, nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch. Chú trọng giải pháp quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; bổ sung thêm nhiều không gian xanh, không gian mở, không gian công cộng, không gian ngầm, đảm bảo diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị.

Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và kịp thời rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, đảm bảo quy hoạch cũng là động lực phát triển đô thị; ưu tiên tập trung nguồn vốn ngân sách nhằm phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu các đô thị hiện hữu, đô thị sau sắp xếp, mở rộng và các khu vực phát triển đô thị mới.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý trật tự xây dựng đô thị. Xây dựng hệ thống dữ liệu toàn tỉnh, kết nối với hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch, phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị.

Định kỳ rà soát, đánh giá và bố trí, thu hút nguồn lực đầu tư nhằm hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị; kiểm soát việc đầu tư xây dựng

theo chương trình phát triển đô thị, tổ chức lập đề án phân loại cho đô thị đảm bảo điều kiện (dự kiến trong giai đoạn đến 2030 gồm có các đô thị Đông Hà, Lao Bảo, Khe Sanh, Hồ Xá);

Tích cực vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị nhằm đảm bảo môi trường sống xanh - sạch - đẹp tại khu vực đô thị; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong quản lý, thực hiện và giám sát quy hoạch, phát triển đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị Quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- VP: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ XD, KHĐT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

PHỤ LỤC

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

BIỂU 01

Bảng tổng hợp định hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 và đến năm 2030

TT	Danh mục	Loại đô thị			Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	
I	Hệ thống đô thị	13	13	18	
1	TP. Đông Hà	III	II	II	Thành phố tỉnh lỵ, đô thị loại II
2	TX. Quảng Trị	IV	IV	IV/III	Thị xã thuộc tỉnh
3	TT. Khe Sanh	V	V/IV	IV	Thị trấn huyện lỵ
4	TT. Lao Bảo	V	V/IV	IV	Thị trấn thuộc huyện
5	TT. Hồ Xá	V	V	IV	Thị trấn huyện lỵ
6	TT. Cam Lộ	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
7	TT. Diên Sanh	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
8	TT. Ái Tử	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
9	TT. Gio Linh	V	V	V/IV	Thị trấn huyện lỵ
10	TT. Krông Klang	V	V	V	Thị trấn huyện lỵ
11	TT. Cửa Việt	V	V	V	Thị trấn thuộc huyện
12	TT. Cửa Tùng	V	V	V	Thị trấn thuộc huyện
13	TT. Bến Quan	V	V	V	Thị trấn thuộc huyện
14	Nam Cửa Việt	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
15	La Vang	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
16	Sòng	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
17	Tà Rụt	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
18	Lìa	-	(*)	V	Đô thị thuộc huyện
II	Khu vực phát triển đô thị	-	4	4	

TT	Danh mục	Loại đô thị			Ghi chú
		Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	
1	Hải Chánh	-	(*)	(*)	Xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng
2	Cùa	-	(*)	(*)	Xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
3	Hướng Phùng	-	(*)	(*)	Xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa
4	Khu đô thị sân bay Quảng Trị	-	(*)	(*)	Thuộc xã Gio Quang và Gio Việt, huyện Gio Linh
III	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	32,76	36÷39	42÷48	
IV	Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên (%)	1,3	1,6÷1,9	1,9÷2,3	
V	Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị (%)	13,5	11÷16	16÷26	
VI	Diện tích cây xanh đô thị (m^2/người)	4	6÷8	8÷10	
(*) Đầu tư xây dựng theo tiêu chí đô thị					

BIỂU 02

Bảng tổng hợp các đô thị dự kiến thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

TT	Danh mục	Ghi chú
I	Đô thị thuộc diện sắp xếp	
1	Đông Hà	Định hướng quy hoạch mở rộng về bốn phía, ưu tiên hướng Tây và hướng Bắc.
2	Quảng Trị	Chưa sắp xếp thị xã Quảng Trị trong giai đoạn đến năm 2030, sau năm 2030, sẽ sắp xếp đơn vị hành chính khi huyện Hải Lăng được nâng cấp lên thị xã.
3	Ái Tử	Không phải sắp xếp vì thị trấn trọng điểm về quốc phòng (theo Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).
II	Đô thị dự kiến mở rộng	
1	Hồ Xá	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
2	Ái Tử	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
3	Gio Linh	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
4	Krông Klang	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
5	Cửa Việt	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
6	Cửa Tùng	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
7	Bến Quan	Dự kiến mở rộng về các vùng phụ phụ cận
III	Đô thị dự kiến thành lập mới	
1	Nam Cửa Việt	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
2	La Vang	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
3	Sòng	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
4	Lìa	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030
5	Tà Rụt	Thành lập mới trong giai đoạn 2023 - 2030

BIỂU 03

Khái toán tổng vốn đầu tư thực hiện chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị

STT	Hạng mục	Hiện trạng		Giai đoạn đến 2025		Giai đoạn đến 2030		Đơn giá	Dự kiến nguồn vốn (tỷ đồng)	
		Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích		Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Phát triển đô thị (đất xây dựng đô thị/đất tự nhiên)	1,3 (%)	6.155 (ha)	1,6 ÷1,9 (%)	7522 ÷ 8933 (ha)	1,9 ÷ 2,3 (%)	8933 ÷ 10813 (ha)	9,809 tỷ đồng/ha	13.410 ÷ 27.250	13.840 ÷ 18.440
2	Phát triển cây xanh công cộng (diện tích cây xanh/dân số đô thị)	4,0 m2/người	85,2 (ha)	6,0 ÷ 8,0 m2/người	157,2 ÷ 209,6 (ha)	8,0 ÷ 10,0 m2/người	275,2 ÷ 344 m2	9,809 tỷ đồng/ha	706 ÷ 1.220	1.158 ÷ 1.319
3	Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị (diện tích giao thông/đất xây dựng đô thị)	13,5 (%)	935 (ha)	11 ÷ 16%	983 ÷ 1430 (ha)	16 ÷ 26%	1730 ÷ 2812 (ha)	20,6 tỷ đồng/ha	988,8 ÷ 10.197	15.388 ÷ 28.469
4	Phát triển cơ sở hạ tầng hạ tầng xã hội đô thị			5 ÷ 15 công trình		53 ÷ 63 công trình		30 tỷ/công trình	150 ÷ 450	1.590 ÷ 1.890

STT	Hạng mục	Hiện trạng		Giai đoạn đến 2025		Giai đoạn đến 2030		Đơn giá	Dự kiến nguồn vốn (tỷ đồng)	
		Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích	Chỉ tiêu	Diện tích		Giai đoạn đến 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Quy hoạch, đề án, chương trình PTĐT			- QHC[1]: 5 - Đề án PLĐT[2]: 3 - Chương trình PTĐT[3]: 12		- QHC[4]: 8 - Đề án PLĐT[5]: 6 - Chương trình PTĐT[6]: 8		- Lập QHC: 5 tỷ/đồ án; Đề án PLĐT: 2 tỷ/đề án; Chương trình PTĐT: 1,5 tỷ/đồ án	49	64
6	Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị			(1) Đề án Thoát nước thành phố Đông Hà theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu		(2) Hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung khu vực đô thị - dịch vụ du lịch ven biển Cửa Việt - Cửa Tùng thích ứng với BĐKH và phát triển bền vững		- Lập Đề án: 5 tỷ/đề án	5	5
	Tổng nguồn vốn								**15.309 ÷ 39.171**	**32.045 ÷ 50.187**

[1] Các đồ án quy hoạch chung đô thị: Krông Klang, Cửa Việt, Cửa Tùng, Sòng (xã Thanh An), Hướng Phùng.
[2] Đề án phân loại đô thị: Đông Hà, Khe Sanh, Lao Bảo.
[3] Chương trình phát triển các đô thị: Quảng Trị, Khe Sanh, Lao Bảo, Hồ Xá, Diên Sanh, Krông Klang, Cửa Việt, Cửa Tùng, Nam Cửa Việt, La Vang, Lìa, Tà rụt,
[4] Các đồ án quy hoạch chung đô thị: Khe Sanh, Lao Bảo, Cam Lộ, Ái Tử, Gio Linh, Bến Quan, Hải Chánh, Cùa.
[5] Đề án phân loại đô thị: Quảng Trị, Hồ Xá, Cam Lộ, Ái Tử, Gio Linh, Diên Sanh.
[6] Chương trình phát triển các đô thị: Cam Lộ, Ái Tử, Gio Linh, Bến Quan, Sòng (xã Thanh An), Hướng Phùng, Hải Chánh, Cùa.

BIỂU 04

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, thu hút đầu tư

(Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối đã được xác định trong quy hoạch tỉnh)

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
I	DỰ ÁN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	
1	Giao thông vận tải	
1.1	Đường cao tốc Bắc - Nam	Thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, huyện Hải Lăng, huyện Triệu Phong
1.2	Đường tránh phía Đông Quốc lộ 1A	Thành phố Đông Hà, huyện Gio Linh
1.3	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A về cảng Cửa Việt	Huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, thành phố Đông Hà
1.4	Cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Việt cho tàu 5.000 tấn (bao gồm cải tạo, nâng cấp đê chắn cát)	Huyện Gio Linh, huyện Triệu Phong
1.5	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 15D từ cảng Mỹ Thủy đến cửa khẩu La Lay	Huyện Hải Lăng, huyện Đakrông
2	Năng lượng - Điện	
2.1	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Quảng Trị và các đường dây đấu nối 500 - 220 kV	Huyện Hải Lăng
2.2	Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV Lao Bảo (Hướng Hóa) và các đường dây đấu nối 500 - 220 kV	Huyện Hướng Hóa
2.3	Xây dựng mới trạm cắt 500 kV Quảng Trị 2 và các đường dây đấu nối 500 kV	
II	DỰ ÁN ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	
1	Ngành công nghiệp	
1.1	Hoàn thiện Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Xã Vĩnh Chấp, Vĩnh Long, huyện Vĩnh

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1.2	Xây dựng mở rộng Khu công nghiệp Quán Ngang	Xã Gio Châu, Gio Quang huyện Gio Linh
1.3	Xây dựng Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú	Xã Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Lăng, huyện Triệu Phong (Khu kinh tế Đông
1.4	Khu công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Khu kinh tế Đông Nam (theo giai đoạn 2)	Xã Triệu Trạch, Triệu Sơn, Triệu Lăng, huyện Triệu Phong
1.5	Khu công nghiệp Quảng Trị	Thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường, Hải Lâm huyện Hải Lăng (Khu kinh tế Đông Nam)
1.6	Khu công nghiệp hỗn hợp chức năng	Xã Hải Ba, Hải Quế, huyện Hải Lăng (Khu kinh tế Đông Nam)
1.7	Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng	Xã Hải Ba, huyện Hải Lăng (Khu kinh tế Đông Nam)
1.8	Khu công nghiệp sinh thái	Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị
2	Giao thông vận tải	
2.1	Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1)	Huyện Gio Linh
2. 2	Cảng Mỹ Thủy: Giai đoạn 1+2	Huyện Hải Lăng
2.3	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây	Huyện Vĩnh Linh, huyện Gio Linh, huyện Triệu phong, thành phố Đông Hà
2.4	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng	Huyện Vĩnh Linh
2.5	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo (CT.19)	Huyện Triệu Phong, huyện Đakrông, Cam Lộ, huyện Hướng Hóa
2.6	Tuyến động lực phía tây quốc lộ 1: Đoạn từ ĐT576 đến quốc lộ 9 - ĐT 579	Huyện Gio Linh, thành phố Đông Hà, huyện Triệu Phong

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
2.7	Tuyến kết nối quốc lộ 1 với sân bay Quảng Trị và đường ven biển	Huyện Gio Linh
3	Năng lượng - Điện	
3.1	Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng (1500 MW)	Huyện Hải Lăng
3.2	Nhà máy tuabin khí hỗn hợp Quảng Trị (340 MW)	Huyện Hải Lăng
3.3	Trung tâm công nghiệp khí	Huyện Hải Lăng
3.4	Trung tâm Hydro xanh	Huyện Hải Lăng
3.5	Các dự án điện gió đã có trong Quy hoạch điện 8	Toàn tỉnh
3.6	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Đông Hà	Thành phố Đông Hà
3.7	Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Lao Bảo	Huyện Hướng Hóa
3.8	Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Đông Nam	Huyện Hải Lăng
3.9	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Phong và các đường dây đấu nối	Huyện Triệu Phong
3.10	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Mỹ Thủy và các đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng
3.11	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV QTIP và các đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng
3.12	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Bắc Hồ Xá và các đường dây đấu nối	Huyện Vĩnh Linh
3.13	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV thị xã Quảng Trị và đường dây đấu nối	Thị xã Quảng Trị
3.14	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Trạch 1 và đường dây đấu nối	Huyện Triệu Phong
3.15	Xây dựng mới trạm biến áp 110 kV Triệu Trạch 1 và đường dây đấu nối	Huyện Hải Lăng
3.16	Nâng công suất trạm biến áp 110 kV Vĩnh Linh	Huyện Vĩnh Linh
4	Thông tin và truyền thông	
4.1	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Thành phố Đông Hà

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
4.2	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị và xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Thành phố Đông Hà
4.3	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện, xã	Toàn tỉnh
4.4	Đầu tư hạ tầng Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị (Nâng cấp hạ tầng và triển khai các nền tảng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số như: Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; nâng cấp nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu tỉnh; xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh...)	Toàn tỉnh
4.5	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh
4.6	Phát triển hạ tầng mạng 5G - Giai đoạn 1	Toàn tỉnh
4.7	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông	Toàn tỉnh
4.8	Phát triển hạ tầng IoT các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh, công nghiệp thông minh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh
4.9	Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đến tận hộ gia đình, hạ tầng và nền tảng thanh toán điện tử (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh
4.10	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh
4.11	Phát triển hạ tầng mạng 5G - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh
4.12	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông - Giai đoạn 2	Toàn tỉnh
4.13	Phát triển hạ tầng IoT các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh, công nghiệp thông minh (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh
4.14	Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng băng rộng cố định đến tận hộ gia đình, hạ tầng và nền tảng thanh toán điện tử (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh
5	Cấp nước sinh hoạt	
5.1	Xây dựng Nhà máy nước Đập Trấm	Xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
5.2	Nâng công suất nhà máy nước Bến Quan	Thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh
5.3	Xây dựng nhà máy nước Quật Xá	Xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ
5.4	Xây dựng Nhà máy nước Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Huyện Hải Lăng, thị xã Quảng Trị
5.5	Cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Tân Lương	Thành phố Đông Hà
6	Xử lý chất thải rắn và bảo vệ môi trường	
6.1	Đầu tư các khu xử lý, lò đốt chất thải rắn nguy hại và hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại	Huyện Hải Lăng, thành phố Đông Hà, huyện đảo Cồn Cỏ
6.2	Dự án đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Thành phố Đông Hà và các huyện Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Hướng Hóa
6.3	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng các trạm quan trắc môi trường tỉnh Quảng Trị	Huyện Hải Lăng, huyện Gio Linh, huyện đảo Cồn Cỏ, huyện Vĩnh Linh, thị xã Quảng Trị, huyện Triệu Phong
6.4	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Đông Hà	Phường 3, thành phố Đông Hà

Ghi chú:

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Ngoài các dự án quan trọng được xác định trong danh mục trên, các dự án khác được xác định trong danh mục dự án của quy hoạch tỉnh sẽ thực hiện theo Quy hoạch tỉnh.